

## THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học :	Năm học: 2023-2024
Trường :	Tiểu học Giang Biên

### 1. Chất lượng giáo dục

	Số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1					Lớp 2					Lớp 3					Lớp 4								
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
<b>I. Kết quả học tập</b>																										
<b>1. Tiếng Việt</b>																										
	735	733	202	103	6	4		138	60	1	1		181	83	3	3		212	94							
Hoàn thành tốt		359	102	59	3	2		63	36	1	1		103	53	2	2		91	53							
Hoàn thành		373	99	44	3	2		75	24				78	30	1	1		121	41							
Chưa hoàn thành		1	1																							
<b>2. Toán</b>																										
	735	733	202	103	6	4		138	60	1	1		181	83	3	3		212	94							
Hoàn thành tốt		424	121	70	2	1		75	37	1	1		126	59	3	3		102	52							
Hoàn thành		308	80	33	4	3		63	23				55	24				110	42							
Chưa hoàn thành		1	1																							
<b>3. Đạo đức</b>																										
	735	733	202	103	6	4		138	60	1	1		181	83	3	3		212	94							
Hoàn thành tốt		405	105	64	3	2		68	37	1	1		115	61	3	3		117	63							
Hoàn thành		327	96	39	3	2		70	23				66	22				95	31							
Chưa hoàn thành		1	1																							
<b>4. Tự nhiên và Xã hội</b>																										
	521	521	202	103	6	4		138	60	1	1		181	83	3	3										
Hoàn thành tốt		261	104	60	4	2		66	35	1	1		91	44	2	2										
Hoàn thành		259	97	43	2	2		72	25				90	39	1	1										
Chưa hoàn thành		1	1																							
<b>5. Khoa học</b>																										
	214	212																212	94							
Hoàn thành tốt		165																165	83							
Hoàn thành		47																47	11							
Chưa hoàn thành																										
<b>6. LS &amp;ĐL</b>																										
	214	212																212	94							
Hoàn thành tốt		172																172	80							
Hoàn thành		40																40	14							
Chưa hoàn thành																										
<b>7. Nghệ thuật (Âm nhạc)</b>																										
	735	733	202	103	6	4		138	60	1	1		181	83	3	3		212	94							





	Số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1					Lớp 2					Lớp 3					Lớp 4								
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
<b>II. Năng lực cốt lõi</b>																										
<b>Năng lực chung</b>																										
<b>Tự chủ và tự học</b>	735	733	202	103	6	4		138	60	1	1		181	83	3	3		212	94							
Tốt		390	125	74	4	3		72	37	1	1		107	54	2	2		86	50							
Đạt		342	76	29	2	1		66	23				74	29	1	1		126	44							
Cần cố gắng		1	1																							
<b>Giao tiếp và hợp tác</b>	735	733	202	103	6	4		138	60	1	1		181	83	3	3		212	94							
Tốt		401	132	73	3	3		59	31	1	1		92	48	2	2		118	62							
Đạt		331	69	30	3	1		79	29				89	35	1	1		94	32							
Cần cố gắng		1	1																							
<b>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</b>	735	733	202	103	6	4		138	60	1	1		181	83	3	3		212	94							
Tốt		292	95	58	2	2		49	29	1	1		68	35	1	1		80	46							
Đạt		440	106	45	4	2		89	31				113	48	2	2		132	48							
Cần cố gắng		1	1																							
<b>Năng lực đặc thù</b>																										
<b>Ngôn ngữ</b>	735	733	202	103	6	4		138	60	1	1		181	83	3	3		212	94							
Tốt		414	130	69	3	2		71	39	1	1		99	49	2	2		114	62							
Đạt		318	71	34	3	2		67	21				82	34	1	1		98	32							
Cần cố gắng		1	1																							
<b>Tính toán</b>	735	733	202	103	6	4		138	60	1	1		181	83	3	3		212	94							
Tốt		421	130	72	4	3		73	36	1	1		105	50	2	2		113	57							
Đạt		311	71	31	2	1		65	24				76	33	1	1		99	37							
Cần cố gắng		1	1																							
<b>Tin học</b>	395	393											181	83	3	3		212	94							
Tốt		176											87	41	2	2		89	48							
Đạt		217											94	42	1	1		123	46							
Cần cố gắng																										
<b>Công nghệ</b>	395	393											181	83	3	3		212	94							
Tốt		262											109	53	2	2		153	76							
Đạt		131											72	30	1	1		59	18							
Cần cố gắng																										

QUẢN  
TRƯ  
TIÊU  
IANG

	Số số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1					Lớp 2					Lớp 3					Lớp 4					
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số							
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc
<b>Khoa học</b>	735	733	202	103	6	4		138	60	1	1		181	83	3	3		212	94				
Tốt		394	97	58	3	2		66	35	1	1		92	47	2	2		139	68				
Đạt		338	104	45	3	2		72	25				89	36	1	1		73	26				
Cần cố gắng		1	1																				
<b>Thảm mĩ</b>	735	733	202	103	6	4		138	60	1	1		181	83	3	3		212	94				
Tốt		373	111	78	3	3		63	39	1	1		98	53	2	2		101	60				
Đạt		360	91	25	3	1		75	21				83	30	1	1		111	34				
Cần cố gắng																							
<b>Thể chất</b>	735	733	202	103	6	4		138	60	1	1		181	83	3	3		212	94				
Tốt		424	137	69	3	2		75	38	1	1		104	49	2	2		108	52				
Đạt		309	65	34	3	2		63	22				77	34	1	1		104	42				
Cần cố gắng																							
<b>III. Phẩm chất chủ yếu</b>																							
<b>Yêu nước</b>	735	733	202	103	6	4		138	60	1	1		181	83	3	3		212	94				
Tốt		618	184	98	6	4		136	60	1	1		135	70	2	2		163	76				
Đạt		115	18	5				2					46	13	1	1		49	18				
Cần cố gắng																							
<b>Nhân ái</b>	735	733	202	103	6	4		138	60	1	1		181	83	3	3		212	94				
Tốt		582	171	95	5	4		126	59	1	1		133	66	2	2		152	80				
Đạt		151	31	8	1			12	1				48	17	1	1		60	14				
Cần cố gắng																							
<b>Chăm chỉ</b>	735	733	202	103	6	4		138	60	1	1		181	83	3	3		212	94				
Tốt		395	120	72	5	3		78	43	1	1		105	51	2	2		92	49				
Đạt		337	81	31	1	1		60	17				76	32	1	1		120	45				
Cần cố gắng		1	1																				
<b>Trung thực</b>	735	733	202	103	6	4		138	60	1	1		181	83	3	3		212	94				
Tốt		523	161	89	4	3		97	53	1	1		132	68	2	2		133	69				
Đạt		209	40	14	2	1		41	7				49	15	1	1		79	25				
Cần cố gắng		1	1																				
<b>Trách nhiệm</b>	735	733	202	103	6	4		138	60	1	1		181	83	3	3		212	94				
Tốt		414	118	73	3	3		75	42	1	1		108	55	2	2		113	55				



**2. Điểm số học sinh**

	Số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1					Lớp 2					Lớp 3					Lớp 4						
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép		Khuyết tật	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Lớp ghép	Khuyết tật	Nữ	Dân tộc		Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc
<b>I. Kết quả học tập</b>																								
<b>I. Tiếng Việt</b>	735	733	202	103	6	4			138	60	1	1			181	83	3	3			212	94		
Điểm 10		52	23	18					5	5					20	12					4	3		
Điểm 9		287	76	43	4	3			46	22	1	1			81	41	2	2			84	47		
Điểm 8		201	54	24	1	1			49	27					44	17	1	1			54	27		
Điểm 7		121	30	13	1				24	4					28	11					39	11		
Điểm 6		47	10	3					8	1					7	2					22	6		
Điểm 5		24	8	2					6	1					1						9			
Dưới điểm 5		1	1																					
<b>2. Toán</b>	735	733	202	103	6	4			138	60	1	1			181	83	3	3			212	94		
Điểm 10		146	34	22					32	12					46	22	1	1			34	15		
Điểm 9		271	80	42	1				46	29	1	1			77	34	1	1			68	37		
Điểm 8		157	48	21	4	3			35	11					31	14	1	1			43	23		
Điểm 7		80	27	14	1	1			13	7					14	7					26	8		
Điểm 6		48	10	2					7						11	5					20	8		
Điểm 5		30	2	2					5	1					2	1					21	3		
Dưới điểm 5		1	1																					
<b>3. TH-CN (Công nghệ)</b>	395	393													181	83	3	3			212	94		
Điểm 10		155													46	29	1	1			109	63		
Điểm 9		139													79	30	2	2			60	22		
Điểm 8		49													25	10					24	5		
Điểm 7		38													28	13					10	3		
Điểm 6		11													3	1					8	1		
Điểm 5		1																			1			
Dưới điểm 5																								
<b>4. TH-CN (Tin học)</b>	395	393													181	83	3	3			212	94		
Điểm 10		62													29	14					33	14		
Điểm 9		74													36	16	1	1			38	25		
Điểm 8		133													62	30	2	2			71	32		
Điểm 7		73													34	15					39	14		
Điểm 6		40													16	7					24	9		
Điểm 5		11													4	1					7			
Dưới điểm 5																								



	Số số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1					Lớp 2					Lớp 3					Lớp 4						
			Trong tổng số					Trong tổng số					Trong tổng số					Trong tổng số						
			Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép
<b>5. Ngoại ngữ</b>	395	393												181	83	3	3		212	94				
Điểm 10		82												45	23	1	1		37	22				
Điểm 9		111												48	22	1	1		63	34				
Điểm 8		61												17	7	1	1		44	19				
Điểm 7		67												29	15				38	12				
Điểm 6		34												14	7				20	5				
Điểm 5		38												28	9				10	2				
Dưới điểm 5																								
<b>6. Khoa học</b>	214	212																	212	94				
Điểm 10		141																	141	69				
Điểm 9		38																	38	17				
Điểm 8		20																	20	4				
Điểm 7		8																	8	4				
Điểm 6																								
Điểm 5		5																	5					
Dưới điểm 5																								
<b>7. Lịch sử và Địa lý</b>	214	212																	212	94				
Điểm 10		159																	159	78				
Điểm 9		35																	35	9				
Điểm 8		12																	12	5				
Điểm 7		1																	1					
Điểm 6		3																	3	2				
Điểm 5		2																	2					
Dưới điểm 5																								

Người lập



Trần Thị Thanh Hương

Giang Biên, ngày 17 tháng 5 năm 2024



Nguyễn Văn Kỳ

## THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học :	Năm học: 2023-2024
Trường :	Tiểu học Giang Biên

### 1. Chất lượng giáo dục

	Số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 5					Khuyết tật
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	
<b>I. Kết quả học tập</b>								
<b>1. Tiếng Việt</b>	<b>194</b>	<b>191</b>	191	88	10	5		
Hoàn thành tốt		<b>86</b>	86	53	3	2		
Hoàn thành		<b>105</b>	105	35	7	3		
Chưa hoàn thành								
<b>2. Toán</b>	<b>194</b>	<b>191</b>	191	88	10	5		
Hoàn thành tốt		<b>148</b>	148	72	8	4		
Hoàn thành		<b>43</b>	43	16	2	1		
Chưa hoàn thành								
<b>3. Đạo đức</b>	<b>194</b>	<b>191</b>	191	88	10	5		
Hoàn thành tốt		<b>115</b>	115	63	6	4		
Hoàn thành		<b>76</b>	76	25	4	1		
Chưa hoàn thành								
<b>4. Khoa học</b>	<b>194</b>	<b>191</b>	191	88	10	5		
Hoàn thành tốt		<b>127</b>	127	64	7	3		
Hoàn thành		<b>64</b>	64	24	3	2		
Chưa hoàn thành								
<b>5. LS &amp;ĐL</b>	<b>194</b>	<b>191</b>	191	88	10	5		
Hoàn thành tốt		<b>172</b>	172	81	9	4		
Hoàn thành		<b>19</b>	19	7	1	1		
Chưa hoàn thành								
<b>6. Âm nhạc</b>	<b>194</b>	<b>191</b>	191	88	10	5		
Hoàn thành tốt		<b>67</b>	67	40	4	2		
Hoàn thành		<b>124</b>	124	48	6	3		
Chưa hoàn thành								
<b>7. Mĩ thuật</b>	<b>194</b>	<b>191</b>	191	88	10	5		
Hoàn thành tốt		<b>78</b>	78	47	3	2		
Hoàn thành		<b>113</b>	113	41	7	3		
Chưa hoàn thành								
<b>8. Thủ công, Kỹ thuật</b>	<b>194</b>	<b>191</b>	191	88	10	5		
Hoàn thành tốt		<b>107</b>	107	55	4	2		





## 2. Điểm số học sinh

	Số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 5				
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép
<b>I. Kết quả học tập</b>							
<b>1. Tiếng Việt</b>	<b>194</b>	<b>191</b>	191	88	10	5	
Điểm 10		12	12	9			
Điểm 9		74	74	44	3	2	
Điểm 8		49	49	21	3	1	
Điểm 7		35	35	9	2	1	
Điểm 6		14	14	3	2	1	
Điểm 5		7	7	2			
Dưới điểm 5							
<b>2. Toán</b>	<b>194</b>	<b>191</b>	191	88	10	5	
Điểm 10		121	121	58	7	3	
Điểm 9		27	27	14	1	1	
Điểm 8		25	25	10	1	1	
Điểm 7		8	8	3			
Điểm 6		4	4	2			
Điểm 5		6	6	1	1		
Dưới điểm 5							
<b>3. Khoa học</b>	<b>194</b>	<b>191</b>	191	88	10	5	
Điểm 10		82	82	44	4	2	
Điểm 9		45	45	20	3	1	
Điểm 8		37	37	12	1		
Điểm 7		17	17	8	2	2	
Điểm 6		8	8	3			
Điểm 5		2	2	1			
Dưới điểm 5							
<b>4. Lịch sử và Địa lý</b>	<b>194</b>	<b>191</b>	191	88	10	5	
Điểm 10		130	130	63	4	2	
Điểm 9		42	42	18	5	2	
Điểm 8		10	10	3	1	1	
Điểm 7		8	8	3			
Điểm 6							
Điểm 5		1	1	1			
Dưới điểm 5							

	Số số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 5					
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
<b>5. Ngoại ngữ</b>	<b>194</b>	<b>191</b>	191	88	10	5		
Điểm 10		59	59	33	3	2		
Điểm 9		39	39	15	1			
Điểm 8		23	23	11	1	1		
Điểm 7		28	28	12	3	1		
Điểm 6		27	27	9				
Điểm 5		15	15	8	2	1		
Dưới điểm 5								
<b>6. TH-CN (Tin học)</b>	<b>194</b>	<b>191</b>	191	88	10	5		
Điểm 10		33	33	19	2	1		
Điểm 9		29	29	14	2	1		
Điểm 8		82	82	38	3	1		
Điểm 7		30	30	10	3	2		
Điểm 6		16	16	7				
Điểm 5		1	1					
Dưới điểm 5								
<b>7. Tiếng dân tộc</b>								
Điểm 10								
Điểm 9								
Điểm 8								
Điểm 7								
Điểm 6								
Điểm 5								
Dưới điểm 5								

Giang Biên, ngày 17 tháng 5 năm 2024

Người lập



**Trần Thị Thanh Hương**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Văn Kỳ**

	Số số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 5					
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
<b>Tự tin trách nhiệm</b>	<b>194</b>	<b>191</b>	191	88	10	5		
Tốt		<b>118</b>	118	62	7	3		
Đạt		<b>73</b>	73	26	3	2		
Cần cố gắng								
<b>Trung thực kỷ luật</b>	<b>194</b>	<b>191</b>	191	88	10	5		
Tốt		<b>138</b>	138	72	7	4		
Đạt		<b>53</b>	53	16	3	1		
Cần cố gắng								
<b>Đoàn kết yêu thương</b>	<b>194</b>	<b>191</b>	191	88	10	5		
Tốt		<b>161</b>	161	82	8	5		
Đạt		<b>30</b>	30	6	2			
Cần cố gắng								
<b>IV. Khen thưởng</b>		<b>57</b>	57	34	3	2		
- Giấy khen cấp trường		<b>49</b>	49	30	3	2		
- Giấy khen cấp trên		<b>8</b>	8	4				
<b>V. HSDT được trợ giảng</b>								
<b>VI. HS.K.Tật</b>		<b>3</b>	3	1				3
<b>VII. HS bỏ học kỳ II</b>								
+ Hoàn cảnh GDKK								
+ KK trong học tập								
+ Xa trường, đi lại K.khẩn								
+ Thiên tai, dịch bệnh								
+ Nguyên nhân khác								
<b>VIII. Chương trình lớp học</b>	194	194	194	89	10	5		3
Hoàn thành	191	191	191	88	10	5		
Chưa hoàn thành								

Giang Biên, ngày 17 tháng 5 năm 2024

Người lập

**Trần Thị Thanh Hương**

HIỆU TRƯỞNG



**Nguyễn Văn Kỳ**